

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.8) 3929 0999

Fax : (84.8) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thanh Toại

Địa chỉ : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.8) 3929 0999

Fax : (84.8) 3839 9885

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 10/4/2017, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88, Đường Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Nghị quyết và biên bản họp đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin> từ ngày 11/4/2017.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *qs*

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPHQQT, PhTH.

Đính kèm:

- Nghị quyết và biên bản họp ĐHĐCĐ năm 2017.



Nguyễn Thanh Toại
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Mẫu Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên công thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN.)

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

Số: 1472 / CV - HĐQT. 17

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2017**

I. TỔNG QUÁT

1. **Thời gian:** Từ 8h45 ngày 10/4/2017.

2. **Địa điểm:** Khách sạn Sheraton, 88 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM.

3. **Hiện diện:**

a. Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông tham dự và được ủy quyền tham dự là: **440** cổ đông, đại diện cho **770.483.623** cổ phần, tương ứng **78,15%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Đại hội đồng cổ đông thường niên ACB đủ túc số hiện diện để tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng có hiệu lực thi hành.

b. Khách mời:

- Ông Nguyễn Văn Dũng, Cục trưởng Cục Thanh tra Giám sát Ngân hàng TP. HCM;
- Ông Lê Công Điền, Vụ trưởng Vụ giám sát công ty đại chúng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Ông Nguyễn Văn Dũng, Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Bà Đỗ Thu Trang, Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM;
- Bà Trần Thị Lệ Hằng, Giám đốc kiểm toán, Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

4. **Chủ tọa đoàn:**

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
- Ông Andrew Colin Vallis, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Thành Long, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
- Ông Đỗ Minh Toàn, Tổng giám đốc.

5. **Các thành viên HĐQT và BKS:**

- Các thành viên HĐQT: Ông Trần Mộng Hùng, bà Đinh Thị Hoa và ông Đàm Văn Tuấn.

- Các thành viên BKS: Bà Nguyễn Thị Minh Lan, bà Hoàng Ngân và bà Phùng Thị Tốt.
- 6. Ông Nguyễn Trung Nghĩa, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia và số cổ phần đại diện, xác định Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội có hiệu lực thi hành.
- 7. Phát biểu khai mạc của ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT.
- 8. Ông Đàm Văn Tuấn, Phó Tổng giám đốc, thừa lệnh Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm ông Nguyễn Trung Nghĩa làm Trưởng Ban và các ủy viên là ông Huỳnh Văn Sơn và bà Lê Thị Thiên Thanh.
Đại hội đồng biểu quyết bằng hình thức giơ tay nhất trí chấp thuận thành phần Ban kiểm phiếu như đề cử.
- 9. Chủ tọa đoàn chỉ định Ban thư ký đại hội gồm: Ông Nguyễn Ngọc Chung và bà Phan Lạc Kim Trinh.
- 10. Ông Đàm Văn Tuấn thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.
Đại hội đồng biểu quyết bằng hình thức giơ tay, thông qua chương trình Đại hội.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Đọc báo cáo và tờ trình

- 1.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017;
- 1.2 Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017;
- 1.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2016;
- 1.4 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016;
- 1.5 Tờ trình về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017;
- 1.6 Tờ trình về mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 1.7 Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu.

2. Phát biểu của ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT.

3. Phát biểu của ông Nguyễn Văn Dũng, Cục trưởng Cục Thanh tra Giám sát Ngân hàng TP. HCM.

4. Đại hội thảo luận.

5. Bỏ phiếu biểu quyết các vấn đề.

Trường Ban kiểm phiếu phổ biến nguyên tắc và thể lệ biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết các vấn đề bằng tờ biểu quyết.

6. Phát biểu của ông Andrew Colin Vallis, Phó Chủ tịch HĐQT.

7. Trường Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết của cổ đông. (Biên bản đính kèm.)

8. **Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề sau:**

8.1 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017.

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2017, với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu đến ngày 31/12/2017 như sau:

- Tổng tài sản tăng 16%.
- Tín dụng tăng 16%.
- Vốn huy động từ tiền gửi khách hàng tăng 16%.
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.
- Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 2.205 tỷ đồng

8.2 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 10/3/2017 về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2016 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

8.3 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2017 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

8.4 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

a. **Kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016:**

		Đơn vị: VND
Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB đến 31/12/2016	1.667.026.016.869
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	341.852.367.243
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	1.325.173.649.626
4	Trích lập các quỹ	236.002.621.605
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4)	1.089.171.028.021
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó:	1.652.124.261.320

6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
6b	Dùng chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	896.273.900.000
6c	Đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mua cổ phiếu thưởng nhân viên	30.000.000.000
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2016 (5+6-6a-6b-6c)	1.149.296.160.837
8	Vốn điều lệ ACB	9.376.965.060.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	937.696.506
10	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
11	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2015	89.627.390
12	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức (9-10+11)	985.901.288
13	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (sở hữu 10 cổ phiếu nhận 01 cổ phiếu mới)	985.901.290.000
14	Lợi nhuận giữ lại dự kiến dùng mua cổ phiếu thưởng nhân viên	100.000.000.000
15	Lợi nhuận giữ lại (7-13-14)	63.394.870.837

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm mua cổ phiếu để thưởng cho nhân viên và quyết định cách thức phân phối cho nhân viên theo các quy định hiện hành.

b. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017:

		Đơn vị: VND
Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn ACB năm 2017	2.205.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	441.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	1.764.000.000.000
4	Trích lập các quỹ	328.676.000.000
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4)	1.435.324.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó:	859.120.099.341
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
6b	Đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mua cổ phiếu thưởng nhân viên	130.000.000.000

7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2017 (5+6-6a-6b)	1.498.718.870.837
8	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.027.323.896
9	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2016	98.590.129
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 (8-9+10)	1.084.491.417
12	Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (sở hữu 10 cổ phiếu nhận 01 cổ phiếu mới)	1.084.491.420.000
13	Lợi nhuận giữ lại (7-12)	414.227.450.837

8.5 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tổng mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

- Hội đồng quản trị: 8.500.000.000 VND (Tám tỷ năm trăm triệu đồng.)
- Ban kiểm soát: 3.900.000.000 VND (Ba tỷ chín trăm triệu đồng.)

8.6 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu, cụ thể như sau:

- a. Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 10.273.238.960.000 đồng lên 11.259.140.250.000 đồng (tăng thêm 985.901.290.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- b. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. (Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)

III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Ông Đàm Văn Tuấn đọc dự thảo Biên bản họp tóm tắt. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Biên bản này bằng hình thức giơ tay.

Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ

Nguyễn Ngọc Chung

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Hôm nay ngày 10/04/2017, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội. Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông: 23.640 cổ đông.
2. Tổng số cổ phần phát hành: 1.027.323.896 cổ phần.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 985.901.288 cổ phần.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: 440 cổ đông, chiếm 1,86% trên tổng số cổ đông, đại diện cho 770.483.623 cổ phần, chiếm 78,15% số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về hoạt động năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 375 cổ đông, chiếm 85,23% trên tổng số cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 766.356.073 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 2.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 369 cổ đông, chiếm 83,86% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 765.586.316 cổ phần, chiếm 99,36% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 4 cổ đông, chiếm 0,91% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 513.765 cổ phần, chiếm 0,07% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2016

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 375 cổ đông, chiếm 85,23% trên tổng số cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 766.356.073 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 2.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 364 cổ đông, chiếm 82,73% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 765.270.307 cổ phần, chiếm 99,32% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 9 cổ đông, chiếm 2,05% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 829.774 cổ phần, chiếm 0,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 375 cổ đông, chiếm 85,23% trên tổng số cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 766.356.073 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 2.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 363 cổ đông, chiếm 82,50% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 763.627.948 cổ phần, chiếm 99,11% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 10 cổ đông, chiếm 2,27% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 2.472.133 cổ phần, chiếm 0,32% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

4. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 375 cổ đông, chiếm 85,23% trên tổng số cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 766.356.073 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 2.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 358 cổ đông, chiếm 81,36% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 764.413.443 cổ phần, chiếm 99,21% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 1 cổ đông, chiếm 0,23% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 606.300 cổ phần, chiếm 0,08% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 14 cổ đông, chiếm 3,18% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 1.080.338 cổ phần, chiếm 0,14% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

5. Mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 375 cổ đông, chiếm 85,23% trên tổng số cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 766.356.073 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 3.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 330 cổ đông, chiếm 75,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 756.042.801 cổ phần, chiếm 98,13% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 7 cổ đông, chiếm 1,59% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 5.612.134 cổ phần, chiếm 0,73% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 35 cổ đông, chiếm 7,95% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 4.444.966 cổ phần, chiếm 0,58% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết: 375 cổ đông, chiếm 85,23% trên tổng số cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 766.356.073 cổ phần, chiếm 99,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Số phiếu không hợp lệ: 3.
- Kết quả biểu quyết như sau:
 - + Tán thành: 354 cổ đông, chiếm 80,45% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 762.588.740 cổ phần, chiếm 98,98% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không tán thành: 0 cổ đông, chiếm 0,00% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
 - + Không có ý kiến: 18 cổ đông, chiếm 4,09% trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho 3.511.161 cổ phần, chiếm 0,46% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

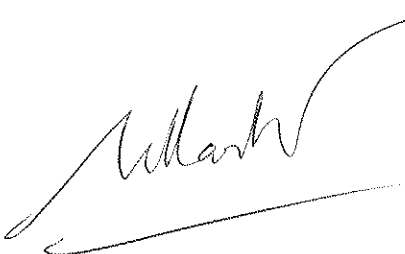
Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về hoạt động năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2016;
3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016;
4. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017;
5. Mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu.


Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/04/2017.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU


Lê Văn Thuận


Nguyễn Văn Sơn


Nguyễn Trang Nghĩa

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN-TTGSNH ngày 24/4/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 10/3/2017 trình Đại hội đồng cổ đông về hoạt động năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017;
- Căn cứ Báo cáo của Ban điều hành ngày 10/3/2017 trình Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2017,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch năm 2017.

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2017, với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu đến ngày 31/12/2017 như sau:

- Tổng tài sản tăng 16%.
- Tín dụng tăng 16%.
- Vốn huy động từ tiền gửi khách hàng tăng 16%.
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.
- Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 2.205 tỷ đồng.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. *mc*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *huat*
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VP HĐQT; PTH.



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 971 /TCQĐ – HĐQT.17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Ban kiểm soát

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN-TTGSNH ngày 24/4/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 10/3/2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2017,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 10/3/2017 về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2016 của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VP HĐQT; PTH.

Đính kèm:

- Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 10/3/2017.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

TP.HCM, ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên)

- Căn cứ điều 45 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại điều 56 Khoản 2 của điều lệ Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Á Châu năm 2016 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát trong năm 2016:

Ban Kiểm soát họp 05 lần giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Nội dung các phiên họp đều có quyết nghị.

- Phiên họp ngày 06/7/2016;
- Phiên họp ngày 27/9/2016;
- Phiên họp ngày 29/11/2016;
- Phiên họp ngày 22/02/2017;
- Phiên họp ngày 09/3/2017.

2. Hoạt động Ban Kiểm soát:

a. Về giám sát hoạt động hệ thống và kiểm toán nội bộ:

- Thông qua hệ thống thông tin quản lý nội bộ, Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và các tỉ lệ đảm bảo an toàn vốn; xử lý nợ xấu; tái cơ cấu hoạt động Ngân hàng; thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát;... Ngoài ra Ban Kiểm Soát còn giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu như huy động vốn, sử dụng vốn, trạng thái ngoại hối, chất lượng tín dụng, chi phí điều hành, kết quả kinh doanh, ...
- Về chức năng kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán tại chỗ, giám sát từ xa... theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước; ngoài ra còn thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng. Đối tượng được kiểm toán là các Chi nhánh/ Phòng giao dịch, các Khối/ Phòng/ Ban/ Trung tâm tại Hội sở, các Công ty trực thuộc. Nội dung kiểm toán tập trung vào kiểm toán quy trình và đánh giá hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ, đánh giá sự thích hợp và tuân thủ các quy định

của Ngân hàng Nhà nước, của Ngân hàng Á Châu đối với các đối tượng được kiểm toán.

- Trong năm 2016, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán theo định hướng rủi ro, chú trọng các đơn vị có Nợ quá hạn cao, có phát sinh rủi ro, chưa được kiểm toán trong hạn 03 năm. Đã kiểm toán toàn diện tình hình hoạt động của 90 Chi nhánh/Phòng giao dịch; Kiểm toán việc thực hiện các giới hạn, tỷ lệ an toàn (theo Thông tư 36 và Thông tư 06); Kiểm toán việc tính toán và kiểm soát việc phân loại nợ trong toàn hệ thống; Kiểm toán hoạt động thẩm định tài sản; Kiểm toán Công ty chứng khoán ACBS, Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản ACBA; Kiểm tra, kiểm toán 80 nội dung theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Ủy ban Tín dụng và Hội đồng xử lý nợ; Kiểm toán giám sát từ xa thông qua hệ thống các tiêu chí giám sát được bổ sung cập nhật thường xuyên.
- Kết quả kiểm toán đã đưa ra các kiến nghị yêu cầu chỉnh sửa, khắc phục các sai sót, vi phạm tại các đơn vị được kiểm toán; các kiến nghị liên quan đến quy định, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ tại Hội sở; các kiến nghị tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; các kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân sai phạm tại các đơn vị được kiểm toán.
- Ngoài ra, Kiểm toán nội bộ còn làm đầu mối rà soát, cung cấp tài liệu hồ sơ cần thiết cho đoàn Thanh/ Kiểm tra các cấp trong năm; đôn đốc và theo dõi các đơn vị trong toàn hệ thống thực hiện khắc phục các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng theo tiến độ.

b. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

b.1. Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Trong năm, Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng. Ban Kiểm soát tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

b.2. Hoạt động quản trị và điều hành:

- Năm 2016, môi trường hoạt động của ngành Ngân hàng nói chung còn nhiều biến động. Công tác quản trị điều hành của ACB nhằm mục tiêu: An toàn hoạt động; Xử lý những tồn tại; Thực hiện đề án tái cơ cấu Ngân hàng theo phương án được duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước; Tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước, tiếp cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế; Tiếp tục triển khai nhận dạng thương hiệu mới trong toàn hệ thống; Ứng dụng có hiệu quả hệ thống quản lý tin học của Ngân hàng.
- Hoạt động Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền

thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng với các đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân; chú trọng cạnh tranh bằng cách nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch; Tích cực xử lý nợ xấu, tăng trích dự phòng rủi ro theo kế hoạch; Thực hiện cấu trúc lại Bảng Tổng kết tài sản; ...

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua việc Giám sát Bảng Tổng kết tài sản và việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến hệ số an toàn vốn, trích dự phòng rủi ro, quản lý quỹ,...; Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chi tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng; Chi đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.
- Các kết quả giám sát, kiểm toán của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ đều được thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các bên có liên quan.
- Kết quả hoạt động trong năm 2016, ACB đã đạt được tăng trưởng về huy động vốn, cho vay; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước, của ACB về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giảm tỷ lệ Nợ xấu; đạt được tất cả các chỉ tiêu theo kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

c. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016, Báo cáo tài chính cả năm 2016 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc, thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập, trình Đại hội Cổ đông thường niên 2017.

d. Các nội dung khác:

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra việc thực hiện chi phí với kế hoạch chi phí được duyệt.
- Thực hiện rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng Quản trị ban hành căn cứ vào các quy định Pháp luật, quy định Ngân hàng Nhà nước liên quan đến hoạt động điều hành của Ngân hàng.
- Kiến nghị ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định/ quy chế nhằm phù hợp với các quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước.
- Cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan

Thanh tra giám sát Ngân hàng.

3. **Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát**

- Ban Kiểm soát có 04 thành viên, tất cả làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).
- Trong phạm vi phân công, các thành viên chuyên trách tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2016 (giữa 2 kỳ Đại hội) đã thực hiện được những yêu cầu cơ bản về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát, đã góp phần thực hiện được các mục tiêu chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. **Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:**

1. **Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:**

a. **Nhận xét về báo cáo tài chính:**

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Ngân hàng và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Các báo cáo tài chính năm 2016 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được Công ty kiểm toán KPMG thực hiện kiểm toán.

b. **Về tài sản và nguồn vốn:**

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng	
TÀI SẢN	SỐ TIỀN
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3.541.388
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5.119.306

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	8.323.907
<i>Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</i>	<i>(171.880)</i>
Chứng khoán kinh doanh	1.211.314
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(28.008)</i>
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	16.065
Cho vay khách hàng	163.401.221
<i>Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	<i>(1.796.795)</i>
Chứng khoán đầu tư	45.786.772
<i>Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư</i>	<i>(2.985.307)</i>
Góp vốn đầu tư dài hạn	201.163
<i>Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	<i>(10.969)</i>
Tài sản cố định	2.850.558
Bất động sản đầu tư	211.872
Tài sản Có khác	8.010.270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	233.680.877
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.235.115
Tiền gửi của khách hàng	207.051.269
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	122.697
Phát hành giấy tờ có giá (Trái phiếu)	6.615.000
Các khoản nợ khác	3.594.080
Vốn và các quỹ	11.301.421
<i>Trong đó: + Vốn điều lệ</i>	<i>9.376.965</i>
<i>+ Cổ phiếu quỹ</i>	<i>(665.725)</i>
<i>+ Các quỹ dự trữ</i>	<i>2.590.181</i>
Lợi nhuận chưa phân phối	2.761.295
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	233.680.877

c. Về thu nhập và chi phí:

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng	
THU NHẬP	SỐ TIỀN
Thu nhập từ lãi	16.448.249
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.274.131
Thu nhập từ hoạt động khác	296.285
Thu nhập cổ tức từ góp vốn, mua cổ phần	24.811
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	230.096
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	72.083
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(885.963)
CHI PHÍ	
Chi phí trả lãi	9.556.360
Chi phí hoạt động dịch vụ	329.749
Chi phí hoạt động khác	11.081
Chi phí quản lý chung	4.677.889
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.217.587
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.667.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	(341.852)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)	1.325.174

2. Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc đã đạt được những kết quả như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016 (NQ ĐHCĐ)	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch 2016 (%)	Thực hiện năm 2015	So sánh năm 2015
Tổng tài sản	237.000 (tăng 18% so với 2015)	233.681	98,6%	201.457	32.224 +16%
Dư nợ	165.000 (tăng 18% so với 2015)	163.401	99,0%	135.348	28.053 +20,7%
Tiền gửi từ khách hàng	206.000 (tăng 18% so với 2015)	207.051	100,5%	174.919	32.132 +18,4%
Lợi nhuận trước thuế	1.503	1.667	110,9%	1.314	353 +26,9%
Hệ số An toàn vốn	>9%	13,19%	-	12,80%	+0,39%
Tỷ lệ nợ xấu	<3%	0,88%	-	1,32%	-0,42%

- Tổng tài sản là 233.681 tỷ đồng, đạt 98,6% so với kế hoạch (theo Nghị quyết Đại hội cổ đông), tăng so với năm 2015 (201.457 tỷ đồng).
- Vốn huy động từ khách hàng đến 31/12/2016 là 207.051 tỷ đồng, tăng 32.132 tỷ đồng so với năm 2015, đạt 100% so với kế hoạch, trong đó:
 - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (81,98%), tăng 26.250 tỷ đồng so với năm 2015.
 - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 18,02%, tăng 5.882 tỷ đồng so với năm 2015.
 - Tiền gửi bằng VND chiếm tỉ trọng 95,08%, tăng 35.354 tỷ đồng so với năm 2015.
 - Tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỉ trọng 4,92%, giảm 3.222 tỷ đồng so với năm 2015.
- Tổng dư nợ tín dụng là 163.401 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch, mức tăng 20,7%, tương ứng tăng 28.053 tỷ đồng so với năm 2015.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5) là 0,88% tổng dư nợ, giảm 0,42% so với năm 2015, đạt dưới chỉ tiêu kế hoạch (< 3%).
- Lợi nhuận trước thuế là 1.667 tỷ đồng, đạt 110,9% so với kế hoạch, tăng 353 tỷ đồng so với mức lợi nhuận năm 2015.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

- Đã thực hiện bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Á Châu, cập nhật việc tăng vốn điều lệ.
- Đã thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu.

III. Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2016 và Dự trù kinh phí hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát:

1. Kinh phí hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

- | | | |
|---------------------------------------|---------------------|---|
| - Thù lao Ban Kiểm soát | : 3.466 triệu đồng. | } được phân bổ theo tỉ lệ
chi phí của Hội sở |
| - Chi phí về tài sản | : 68 triệu đồng. | |
| - Chi phí về hành chánh, quản lý khác | : 320 triệu đồng. | |
| - Công tác phí và các chi phí khác | : 393 triệu đồng. | |
| | Tổng cộng | : 4.247 triệu đồng. |

+ Kinh phí hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát được Đại hội cổ đông thường niên thông qua là 4.400 triệu đồng. Như vậy số thực hiện so với số được duyệt là 96,52 %.

2. Kế hoạch kinh phí hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát khoảng 4.900 triệu đồng, trong đó thù lao là 3.900 triệu đồng.

Kính trình đại hội.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN ✓



HUỲNH NGHĨA HIỆP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN-TTGSNH ngày 24/4/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2017,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2017 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán.
- Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VP HĐQT; PTH.

Đính kèm:

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất ký ngày 28/02/2017 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luay*
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND Đã phân loại lại
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	3.541.388
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	5.119.306
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	8.152.027
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		6.443.182
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.880.725
3	Dự phòng rủi ro		(171.880)
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	1.183.306
1	Chứng khoán kinh doanh		1.211.314
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(28.008)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	16.065
VI	Cho vay khách hàng		161.604.426
1	Cho vay khách hàng	10	163.401.221
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(1.796.795)
VIII	Chứng khoán đầu tư	12	42.801.465
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		10.962.613
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		34.824.159
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(2.985.307)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	190.194
2	Vốn góp liên doanh		1.280
3	Đầu tư vào công ty liên kết		346
4	Đầu tư dài hạn khác		199.537
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(10.969)
X	Tài sản cố định		2.850.558
1	Tài sản cố định hữu hình	14	2.338.722
a	Nguyên giá tài sản cố định		3.682.372
b	Hao mòn tài sản cố định		(1.343.650)
3	Tài sản cố định vô hình	15	511.836
a	Nguyên giá tài sản cố định		722.821
b	Hao mòn tài sản cố định		(210.985)
XI	Bất động sản đầu tư	16	211.872
a	Nguyên giá bất động sản đầu tư		212.954
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(1.082)
XII	Tài sản Có khác	17	8.010.270
1	Các khoản phải thu		4.620.331
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.241.224
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24	-
4	Tài sản Có khác		666.881
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(518.166)
	TỔNG TÀI SẢN		233.680.877
			201.456.985



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	2.235.115
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	1.735.365	2.097.789
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	499.750	335.541
III	Tiền gửi của khách hàng	20	207.051.269
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	122.697
VI	Phát hành giấy tờ có giá	22	6.615.000
VII	Các khoản nợ khác	23	3.594.080
1	Các khoản lãi, phí phải trả	2.281.452	1.741.689
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	462	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.312.166	1.159.768
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	219.618.161	188.669.443
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	25	14.062.716
1	Vốn của tổ chức tín dụng	8.711.240	8.711.240
a	Vốn điều lệ	9.376.965	9.376.965
d	Cổ phiếu quỹ	(665.725)	(665.725)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	2.590.181	2.374.178
5	Lợi nhuận chưa phân phối	2.761.295	1.702.124
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.062.716	12.787.542
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	233.680.877	201.456.985


	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND	
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	Bảo lãnh vay vốn	42	60.862	51.670
2	Cam kết giao dịch hối đoái	42	15.210.577	10.187.960
	Trong đó:			
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		2.555.935	2.687.383
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		2.493.758	2.263.659
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi		10.160.884	5.236.918
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	42	4.443.845	3.857.488
5	Bảo lãnh khác	42	5.552.727	4.688.320



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

		Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	16.448.249	14.081.792
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(9.556.360)	(8.198.265)
I	Thu nhập lãi thuần		6.891.889	5.883.527
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	28	1.274.131	1.020.989
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	29	(329.749)	(275.763)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		944.382	745.226
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	230.096	120.624
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	72.083	14.544
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	(885.963)	(807.600)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		296.285	275.511
6	Chi phí hoạt động khác		(11.081)	(33.028)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	33	285.204	242.483
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	24.811	21.485
VIII	Chi phí hoạt động	35	(4.677.889)	(4.021.683)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.884.613	2.198.606
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(1.217.587)	(884.455)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		1.667.026	1.314.151

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	1.667.026	1.314.151
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(338.590)	(283.828)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.262)	(2.091)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(341.852)	(285.919)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	1.325.174	1.028.232
XV	Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.293	1.033

hambua

Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn

Đỗ Minh Toàn
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật



Trần Hùng Huy
 Chủ tịch


Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	16.096.594	14.537.367
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(8.961.266)	(8.193.322)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	944.382	745.226
04 Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	524.755	656.029
05 Thu nhập khác	200.509	38.792
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	79.185	147.890
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(4.297.586)	(3.742.720)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(360.194)	(288.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	4.226.379	3.901.100
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.141.004	(2.274.920)
10 Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(6.132.295)	(959.524)
11 Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	31.538	(33.200)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(28.052.950)	(17.707.749)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(1.329.800)	(1.145.022)
14 Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	624.073	(139.575)
Những thay đổi về nợ hoạt động		
15 (Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(5.178.981)	5.178.981
16 Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(198.215)	(3.711.908)
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	32.132.272	20.305.409
18 Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá	486.000	(3.000)
19 Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(38.981)	(26.477)
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	97.036	(327.381)
22 Chi từ các quỹ	(5.038)	(10.624)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(197.958)	3.046.110

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(584.690)	(261.238)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.578	337.254
04 Mua sắm bất động sản đầu tư	(181.284)	(64.615)
05 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư	38.368	42.169
08 Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	224.204	65.340
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	34.278	11.999
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(467.546)	130.909
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
02 Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	3.054.000	-
04 Cổ tức trả cho cổ đông	-	(627.392)
05 Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	-	(601)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	3.054.000	(627.993)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	2.388.496	2.549.026
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	12.190.381	9.641.355
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 39)	14.578.877	12.190.381


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán trưởng


 Đỗ Minh Toàn
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật


 Trần Hùng Huy
 Chủ tịch

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	3.541.348
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	5.119.306
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	8.593.981
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		6.423.210
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		2.342.651
3	Dự phòng rủi ro		(171.880)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	720.577
1	Chứng khoán kinh doanh		720.577
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	16.065
VI	Cho vay khách hàng		159.258.785
1	Cho vay khách hàng	9	161.029.238
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.770.453)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	42.672.094
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		10.838.702
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		34.775.806
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(2.942.414)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	2.329.768
1	Đầu tư vào công ty con		2.140.000
2	Vốn góp liên doanh		1.000
3	Đầu tư vào công ty liên kết		200
4	Đầu tư dài hạn khác		199.537
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(10.969)
X	Tài sản cố định		2.769.593
1	Tài sản cố định hữu hình	13	2.283.144
a	Nguyên giá tài sản cố định		3.580.267
b	Hao mòn tài sản cố định		(1.297.123)
3	Tài sản cố định vô hình	14	486.449
a	Nguyên giá tài sản cố định		691.121
b	Hao mòn tài sản cố định		(204.672)
XII	Tài sản Có khác	15	8.038.379
1	Các khoản phải thu		4.664.440
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.237.520
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22	-
4	Tài sản Có khác		653.326
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(516.907)
TỔNG TÀI SẢN			233.059.896
			201.381.813

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16	-
			5.178.981
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	2.253.847
			2.360.415
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	1.754.097	2.124.874
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	499.750	235.541
III	Tiền gửi của khách hàng	18	207.347.013
			175.395.002
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	122.697
			161.678
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	6.054.000
			3.000.000
VII	Các khoản nợ khác	21	3.521.648
			2.783.038
1	Các khoản lãi, phí phải trả	2.275.898	1.742.279
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.245.750	1.040.759
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	219.299.205	188.879.114
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn chủ sở hữu	23	13.760.691
			12.502.699
1	Vốn của tổ chức tín dụng	8.711.240	8.711.240
a	Vốn điều lệ	9.376.965	9.376.965
d	Cổ phiếu quỹ	(665.725)	(665.725)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	2.287.388	2.091.190
5	Lợi nhuận chưa phân phối	2.762.063	1.700.269
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.760.691	12.502.699
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	233.059.896	201.381.813

		Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1	Bảo lãnh vay vốn	39	60.862	51.670
2	Cam kết giao dịch hối đoái	39	15.210.577	10.187.960
	Trong đó:			
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		2.555.935	2.687.383
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		2.493.758	2.263.659
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi		10.160.884	5.236.918
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39	4.443.845	3.857.488
5	Bảo lãnh khác	39	5.552.727	4.688.320

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật



Trần Hùng Huy
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 2 năm 2017


		Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	16.211.810	13.867.746
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(9.524.601)	(8.230.631)
I	Thu nhập lãi thuần		6.687.209	5.637.115
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26	1.142.409	907.623
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	27	(290.999)	(246.215)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		851.410	661.408
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	229.777	119.964
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	3.638	14.400
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	(892.902)	(767.167)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		277.497	267.890
6	Chi phí hoạt động khác		(10.971)	(32.913)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	31	266.526	234.977
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	189.767	134.957
VIII	Chi phí hoạt động	33	(4.527.449)	(3.900.233)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.807.976	2.135.421
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(1.207.198)	(874.250)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)		1.600.778	1.261.171


Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
 năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)	1.600.778	1.261.171
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(289.986)	(246.994)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.800)	(2.091)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(292.786)	(249.085)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	1.307.992	1.012.086


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán trưởng


 Đỗ Minh Toàn
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật


 Trần Hùng Huy
 Chủ tịch



Ngày 28 tháng 2 năm 2017

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	15.847.899	14.325.484
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(8.935.651)	(8.225.613)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	851.410	661.408
04 Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	430.560	655.621
05 Thu nhập khác	186.776	37.865
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	79.185	146.890
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(4.157.014)	(3.612.098)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(333.620)	(239.464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	3.969.545	3.750.093
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.117.958	(2.273.197)
10 Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(5.842.557)	(802.719)
11 Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	31.538	(33.200)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(27.913.910)	(17.761.585)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(1.323.014)	(1.137.530)
14 Giảm khác về tài sản hoạt động	609.748	136.360
Những thay đổi về nợ hoạt động		
15 (Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(5.178.981)	5.178.981
16 Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	(106.568)	(3.636.975)
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	31.952.011	19.879.891
19 Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(38.981)	(26.477)
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	149.389	(339.992)
22 Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(5.038)	(10.624)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(578.860)	2.923.026

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(495.594)	(245.159)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.578	336.588
08 Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	224.204	33.751
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	146.209	270.591
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(123.603)	395.771
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
02 Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	3.054.000	-
04 Cổ tức trả cho cổ đông	-	(627.392)
05 Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	-	(601)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	3.054.000	(627.993)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	2.351.537	2.690.804
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	12.180.183	9.489.379
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 36)	14.531.720	12.180.183

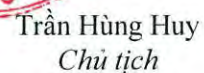


Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán trưởng


 Đỗ Minh Toàn
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật

Ngày 28 tháng 2 năm 2017




 Trần Hùng Huy
 Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC TRÍCH LẬP QUỸ VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016, KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN-TTGSNH ngày 24/4/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 10/3/2017 về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2017,

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:
1. Kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị: VND Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB đến 31/12/2016	1.667.026.016.869
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	341.852.367.243
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	1.325.173.649.626
4	Trích lập các quỹ	236.002.621.605
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4)	1.089.171.028.021
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó:	1.652.124.261.320
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
6b	Dùng chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	896.273.900.000

6c	Đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mua cổ phiếu thưởng nhân viên	30.000.000.000
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2016 (5+6-6a-6b-6c)	1.149.296.160.837
8	Vốn điều lệ ACB	9.376.965.060.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	937.696.506
10	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
11	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức 2015	89.627.390
12	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức (9-10+11)	985.901.288
13	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (sở hữu 10 cổ phiếu nhận 01 cổ phiếu mới)	985.901.290.000
14	Lợi nhuận giữ lại dự kiến dùng mua cổ phiếu thưởng nhân viên	100.000.000.000
15	Lợi nhuận giữ lại (7-13-14)	63.394.870.837

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm mua cổ phiếu để thưởng cho nhân viên và quyết định cách thức phân phối cho nhân viên theo các quy định hiện hành.

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2017:

		Đơn vị: VND
Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của tập đoàn ACB năm 2017	2.205.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	441.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	1.764.000.000.000
4	Trích lập các quỹ	328.676.000.000
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4)	1.435.324.000.000
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia, trong đó:	859.120.099.341
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
6b	Đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mua cổ phiếu thưởng nhân viên	130.000.000.000
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2017 (5+6-6a-6b)	1.498.718.870.837
8	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.027.323.896

9	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
10	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2016	98.590.129
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 (8-9+10)	1.084.491.417
12	Chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu (sở hữu 10 cổ phiếu nhận 01 cổ phiếu mới)	1.084.491.420.000
13	Lợi nhuận giữ lại (7-12)	414.227.450.837

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VP HĐQT; PTH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luay*
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 974 /TCQĐ – HĐQT.17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về tổng mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN-TTGSNH ngày 24/4/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 10/3/2017 về mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2017,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tổng mức thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

- Hội đồng quản trị: 8.500.000.000 đ (Tám tỷ năm trăm triệu đồng.)
- Ban kiểm soát: 3.900.000.000 đ (Ba tỷ chín trăm triệu đồng.)

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. *ms*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VP HĐQT; PTH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luat*
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Công văn số 2830/NHNN-TTGSNH ngày 24/4/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu nhiệm kỳ 2013 - 2017; Nghị quyết số 1598/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017; Quyết định số 1605/TCQĐ-HĐQT.13 ngày 26/4/2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu về việc bầu chức danh thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 10/3/2017 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10/4/2017,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 10.273.238.960.000 đồng lên 11.259.140.250.000 đồng (tăng thêm 985.901.290.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
2. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ, các chi tiết như Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 10/3/2017.
3. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:
 - 3.1 Mục đích phát hành:

Việc tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.
 - 3.2 Phương án phát hành:
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Vốn điều lệ hiện tại: 10.273.238.960.000 đồng.
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.)
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.
 - Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 98.590.129 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 985.901.290.000 đồng.
 - Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
 - Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
 - Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
 - Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 1.125.914.025 cổ phiếu.
 - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 11.259.140.250.000 đồng.
 - Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2017.
 - Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
 - Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.
4. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và giải trình (nếu có);

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. *ms*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban điều hành;
- Lưu: VP HĐQT; PTH.

Đính kèm:

- Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *luy*
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Hùng Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông;
phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi Giấy phép, Điều lệ của ngân hàng thương mại.
- Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Á Châu,

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu tương ứng, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Nhu cầu thay đổi mức vốn điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết đối với ACB vì:

- Các quy định mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đều gắn các tỷ lệ giới hạn (chẳng hạn như giới hạn cấp tín dụng) với vốn chủ sở hữu/ vốn điều lệ. Việc tăng vốn điều lệ sẽ giúp tăng các giới hạn liên quan tới cấp tín dụng cho khách hàng, thêm nguồn vốn trung, dài hạn để tài trợ cho các hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng. Đồng thời, thêm nguồn vốn để đầu tư vào các giải pháp để củng cố và nâng cao hệ thống nền tảng như đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở vật chất và hệ thống quản trị rủi ro.

- Việc tăng vốn điều lệ giúp ACB nâng cao năng lực tài chính, giúp đứng vững trước những biến động của thị trường.

Tóm lại, việc tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết cho hoạt động kinh doanh của ACB. Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến được sử dụng để đầu tư vào tài sản cố định, xây dựng cơ bản, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động của ACB và các chi nhánh, các dự án, phần còn lại để đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động và bổ sung nguồn vốn trung dài hạn mở rộng hoạt động kinh doanh.

Ứng với số vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm gần 986 tỷ đồng, chi tiết dự kiến số tiền sẽ sử dụng để mua sắm thêm tài sản cố định, xây dựng cơ bản, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động của ACB và các chi nhánh, các dự án trong năm 2017 tổng cộng khoảng 1.085 tỷ đồng như sau:

DVT: tỷ đồng

1. Mua sắm bất động sản	300
2. Xây dựng trụ sở mới/ văn phòng làm việc	72
3. Mua sắm lắp đặt hệ thống kỹ thuật, máy móc thiết bị, mua sắm sản phẩm /dịch vụ cho dự án chuyển đổi các kênh phân phối theo mô hình nhận dạng thương hiệu mới và các kênh phân phối thành lập mới năm 2017	233
4. Mua sắm, vận hành, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp các hệ thống kỹ thuật toàn hệ thống & xây dựng phòng máy ATM ngoài trụ sở kênh phân phối	35
5. Mua xe công vụ, xe chuyên dùng phục vụ kinh doanh năm 2017	33
6. Đầu tư các dự án chiến lược (ECM/DGM, ERP, ACMS, Contact Center, Transaction Banking, v.v.)	121
7. Đầu tư cho hệ thống đường truyền, mạng diện rộng, hệ thống máy chủ, lưu trữ, cơ sở dữ liệu công nghệ thông tin	110
8. Đầu tư cho các dự án kiến trúc, bảo mật và an toàn thông tin	74
9. Đầu tư cho hệ thống ATM và thẻ	74
10. Các dự án công nghệ thông tin khác	33
Tổng	1.085

2. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi thay đổi vốn điều lệ

Sau khi tăng vốn điều lệ và thực hiện các phương án sử dụng vốn như đã nêu, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô tổng tài sản, dư nợ cho vay, v.v., và duy trì hiệu quả hoạt động tốt. (Xin xem **Phụ lục 01.**)

Bên cạnh đó, ACB tiếp tục tuân thủ chặt chẽ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Xin xem **Phụ lục 02.**)

3. Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2017 từ chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông cho cổ đông với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- a. Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 10.273.238.960.000 đồng.
- b. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 1.027.323.896 cổ phiếu.
- c. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua: 41.422.608 cổ phiếu.
- d. Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức: 985.901.288 cổ phiếu.
- e. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:
- Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: 985.901.290.000 đồng.
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần.
 - Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: 98.590.129 cổ phiếu.
- f. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 1.125.914.025 cổ phiếu.
 - Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 11.259.140.250.000 đồng.
- g. Các nguồn dùng để tăng vốn điều lệ:

Chỉ tiêu	Số dư (VND)	Dùng để tăng VĐL (VND)
Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2016	1.149.296.160.837	985.901.290.000
Tổng cộng	1.149.296.160.837	985.901.290.000

- h. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối lợi nhuận năm 2016.
- i. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.)
- j. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10% (căn cứ vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.

- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
 - Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- k. Thời điểm: Dự kiến hoàn thành trong năm 2017 sau khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định pháp luật.
- l. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.
- m. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 93 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là $(93/10) = 9,3$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 9 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,3 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*
- n. Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ trong năm 2017:
Xin xem **Phụ lục 03**.

II. ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm để chia cổ tức theo phương án nêu trên với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.


III. KIẾN NGHỊ

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có);
- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban

Chứng khoán nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình 

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHNNVN;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT HN;
- Lưu VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 01: Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2017 của Tập đoàn ACB.
- Phụ lục 02: Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành dự kiến đến cuối năm 2017.
- Phụ lục 03: Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ năm 2017.

PHỤ LỤC 01

Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2017 của Tập đoàn ACB

(Đính kèm tờ trình ĐHCĐ về phương án tăng vốn điều lệ năm 2017, ngày 10/3/2017.)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	Dự kiến 2017	Tăng/ giảm 2017 so với 2016	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tổng tài sản	233.681	271.070	37.389	16%
2	Tín dụng (*)	166.157	192.743	26.585	16%
3	Huy động tiền gửi của khách hàng	207.051	240.179	33.128	16%
4	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	2.235	2.235	-	0%
5	Vốn điều lệ	9.377	11.259	1.882	20%
6	Vốn chủ sở hữu	14.063	15.650	1.587	11%
7	Lợi nhuận trước thuế	1.667	2.205	538	32%
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(342)	(441)	(99)	29%
9	Lợi nhuận sau thuế	1.325	1.764	439	33%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	9,87%	11,87%	2,00%	20%
11	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	0,61%	0,70%	0,09%	15%

(*) Tín dụng: bao gồm Dự nợ cho vay khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế; Dự nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng; và Số dư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành lần đầu và mua trên thị trường thứ cấp (KHÔNG bao gồm Trái phiếu Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam phát hành, và trái phiếu do TCTD phát hành).

PHỤ LỤC 02

Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành dự kiến đến cuối năm 2017
(Đính kèm tờ trình ĐHDGD về phương án tăng vốn điều lệ năm 2017, ngày 10/3/2017.)

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

STT	KHOẢN MỤC	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017
I	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu		
1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	11,13%	≥ 9%
2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	13,19%	≥ 9%
II	Giới hạn, hạn chế cấp tín dụng		
1	Giới hạn cấp tín dụng		
A	Tổng mức cấp tín dụng lớn nhất đối với một khách hàng	10,93%	≤ 15% vốn tự có của ACB
B	Tổng mức cấp tín dụng lớn nhất đối với một khách hàng và người có liên quan	17,77%	≤ 25% vốn tự có của ACB
2	Hạn chế cấp tín dụng		
A	Giới hạn cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ, khoản 1 Điều 12 TT36 (K3 Đ12 TT36)	4,90%	≤ 5% vốn tự có của ACB
B	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Thông tư 36 (K4 Đ12 TT36)	3,52%	≤ 10% vốn tự có của ACB
C	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 12 Thông tư 36 (K4 Đ12 TT36)	3,52%	≤ 20% vốn tự có của ACB
III	Tỷ lệ khả năng chi trả		
1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy VND)	23,05%	≥ 10%
2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
A	VND	157,46%	≥ 50%
B	USD và các ngoại tệ khác quy USD	105,07%	≥ 10%
IV	Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn		

STT	KHOẢN MỤC	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017
1	Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn	24,27%	≤ 50%
2	Tỷ lệ tối đa mua đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn	21,97%	≤ 35%
V	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần		
1	Mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM và các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó (trừ trường hợp công ty con, công ty liên kết là công ty quản lý quỹ góp vốn, mua cổ phần từ nguồn vốn các quỹ do công ty quản lý) vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 điều 103 Luật các TCTD so với vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp	11,00%	≤ 11%
2	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của NHTM vào các doanh nghiệp bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó so với vốn điều lệ và quỹ dự trữ của NHTM.	31,46%	≤ 40%
3	Tỷ lệ mua, nắm giữ cổ phiếu của một TCTD khác so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết của TCTD khác đó	0,15%	< 5%
VI	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	75,45%	≤ 80%

AT

PHỤ LỤC 03

Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ năm 2017

(Đính kèm tờ trình ĐHCĐ về phương án tăng vốn điều lệ năm 2017, ngày 10/3/2017)

Stt	Tên cổ đông	Trước khi tăng vốn (Tính đến 10/3/2017.)		Sau khi tăng vốn (*)	
		(Tổng số cổ phần của ACB: 1.027.323.896 cổ phần.)		(Tổng số cổ phần của ACB: 1.125.914.025 cổ phần.)	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Sở hữu mức cổ phần trọng yếu		299.940.838	29,20%	329.934.920	29,30%
1	Connaught Investors Ltd.	74.926.317	7,29%	82.418.948	7,32%
2	Dragon Financial Holdings Ltd.	70.289.594	6,84%	77.318.553	6,87%
3	Standard Chartered APR Ltd.	90.490.271	8,81%	99.539.298	8,84%
4	Standard Chartered Bank (Hong Kong) Ltd.	64.234.656	6,25%	70.658.121	6,28%
Thành viên Hội đồng quản trị		62.315.007	6,07%	68.546.504	6,09%
1	Trần Hùng Huy	31.649.277	3,08%	34.814.204	3,09%
2	Nguyễn Thành Long	372.838	0,04%	410.121	0,04%
3	Andrew Colin Vallis	0	0,00%	0	0,00%
4	Dominic Timothy Charles Scriven	0	0,00%	0	0,00%
5	Đinh Thị Hoa	15.216	0,00%	16.737	0,00%
6	Trần Mộng Hùng	18.176.239	1,77%	19.993.862	1,78%
7	Trần Trọng Kiên	0	0,00%	0	0,00%
8	Đặng Thu Thủy	12.076.521	1,18%	13.284.173	1,18%
9	Đàm Văn Tuấn	24.916	0,00%	27.407	0,00%
Thành viên Ban kiểm soát		293.838	0,03%	323.220	0,03%
1	Huỳnh Nghĩa Hiệp	196.433	0,02%	216.076	0,02%
2	Nguyễn Thị Minh Lan	0	0,00%	0	0,00%
3	Hoàng Ngân	42.749	0,00%	47.023	0,00%
4	Phùng Thị Tốt	54.656	0,01%	60.121	0,01%
Tổng giám đốc		104.319	0,01%	114.750	0,01%
1	Đỗ Minh Toàn	104.319	0,01%	114.750	0,01%

(*) Được tính trên số liệu cổ phần sở hữu đến 10/3/2017.